|  |  |
| --- | --- |
| UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**SỞ LAO ĐỘNG-THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /BC-SLĐTBXHDỰ THẢO | *Hải Phòng, ngày tháng năm 2023* |

**BÁO CÁO**

**Đánh giá thực trạng các vấn đề liên quan đến chính sách**

**hỗ trợ đào tạo nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020; Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015 và các văn bản liên quan;

Thực hiện nhiệm vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giao tại Công văn số 4004/VP-TH ngày 10/6/2023 về việc triển khai Kết luận của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm; trong đó *“Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các đơn vị liên quan khẩn trương xây dựng Đề án về đào tạo nghề trên địa bàn thành phố đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành phố trên cơ sở Chỉ thị số 21-CT/TW, ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trong tháng 10/2023”;*

Thực hiện nhiệm vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giao tại Công văn số 6358/VP-TH ngày 15/9/2023 về việc đôn đốc chuẩn bị tài liệu phục vụ Kỳ họp thứ 12 (Kỳ họp chuyên đề) Hội đồng nhân dân thành phố khóa XVI; trong đó Sở Lao động - Thương binh và Xã hội được giao chuẩn bị nội dung về Nghị quyết thông qua Đề án Đào tạo nghề trên địa bàn thành phố đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành phố.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo, đánh giá thực trạng các vấn đề liên quan đến chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, với các nội dung sau:

**I. HỆ THỐNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT**

**1. Tên văn bản và chính sách theo văn bản**

1.1. Các văn bản của Trung ương

- Tại Điểm d khoản 5 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: *“Quyết định biện pháp quản lý, sử dụng và phát triển nguồn nhân lực ở địa phương; biện pháp tạo việc làm, nâng cao năng suất lao động, tăng thu nhập và cải thiện điều kiện làm việc, bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động”;*

- Tại Điểm h khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015 về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: *"Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương*”;

- Điểm c Khoản 2 Điều 62 Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014 *“Người học các trình độ trung cấp, cao đẳng đối với các ngành, nghề khó tuyển sinh nhưng xã hội có nhu cầu theo danh mục do Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định; người học các ngành, nghề chuyên môn đặc thù đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh theo quy định của Chính phủ”;*

- Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; quy định đối tượng được miễn học phí tại khoản 17, 18, 19 Điều 1 gồm: *“17. Người tốt nghiệp trung học cơ sở học tiếp lên trình độ trung cấp; 18. Người học các trình độ trung cấp, cao đẳng, đối với các ngành, nghề khó tuyển sinh nhưng xã hội có nhu cầu theo danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định; 19. Người học các ngành, nghề chuyên môn đặc thù đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp. Các ngành, nghề chuyên môn đặc thù do Thủ tướng Chính phủ quy định”*.

1.2. Các văn bản của Thành ủy, Hội đồng nhân dân thành phố

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Hải Phòng lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 – 2025 xác định mục tiêu: “Đến năm 2025 tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt từ 87% đến 88%; trong đó tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt 40%”;

- Chương trình hành động 76-CTr/TU ngày 08/7/2019 của Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW của Bộ Chính trị, trong đó có chỉ tiêu và nhiệm vụ chủ yếu: *“Phát triển nền công nghiệp hiện đại, thông minh, bền vững; đến năm 2025, cơ bản hoàn thành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; trở thành thành phố công nghiệp theo hướng hiện đại; đến năm 2030, trở thành thành phố công nghiệp phát triển hiện đại, thông minh, bền vững tầm cỡ khu vực Đông Nam Á”; “ Phát triển dịch vụ, trọng tâm là cảng biển và logistics, du lịch; đến năm 2025, đầu tư xây dựng từ 1-3 khu dịch vụ logistics cấp quốc gia, đến năm 2030, Hải Phòng trở thành trung tâm dịch vụ logistics quốc tế hiện đại bằng cả đường biển, đường hàng không, đường bộ cao tốc, đường sắt tốc độ cao…; mục tiêu tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2025 là 87-88%, trong đó đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ 40%, tuyển sinh đào tạo 10.000 học sinh, sinh viên trình độ trung cấp, cao đẳng và đến năm 2030 là 90%, trong đó 45% có chứng chỉ, tuyển sinh đào tạo 12.000 học sinh, sinh viên trình độ trung cấp, cao đẳng”*;

- Kế hoạch số 126/KH-UBND ngày 24/4/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018- 2025” trên địa bàn thành phố Hải Phòng, trong đó tại Phần I. Mục 2 *“Mục tiêu đến năm 2025, đạt mức 40% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp hoặc cơ sở giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên vừa đào tạo chương trình trung cấp nghề vừa học văn hóa chương trình giáo dục phổ thông cấp trung học phổ thông và đạt mức 45% học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ cao đẳng”*.

**2. Thực trạng thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề**

2.1. Kinh nghiệm cơ chế, chính sách hỗ trợ học nghề của một số tỉnh, thành phố

Hiện nay, một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã có cơ chế, chính sách hỗ trợ học nghề tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh, thành phố, cụ thể:

a) Tỉnh Quảng Ninh

- Hỗ trợ học sinh, sinh viên tốt nghiệp trung học cơ sở, Trung học phổ thông tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh, có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh học hệ chính quy trình độ trung cấp hoặc cao đẳng tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, thuộc danh mục nghề khuyến khích đào tạo của tỉnh (07 ngành, nghề thuộc nhóm ngành, nghề Công nghệ kỹ thuật, cơ khí chế tạo, vận tải và xây dựng; 06 ngành, nghề thuộc nhóm ngành, nghề Du lịch, dịch vụ; 02 ngành, nghề thuộc nhóm ngành, nghề Sức khỏe);

Mức hỗ trợ học phí học nghề: Trình độ cao đẳng mức hỗ trợ 50% mức lương cơ sở/người/tháng; trình độ trung cấp mức hỗ trợ 40% mức lương cơ sở/người/tháng.

- Học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh, có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh học tiếp lên trình độ trung cấp hoặc trình độ cao đẳng kết hợp học văn hóa trung học phổ thông theo chương trình giáo dục thường xuyên.

Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% tiền đóng học phí học văn hóa hàng tháng phải nộp.

(*Nghị quyết số 310/2020/NQ-HĐND ngày 0/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh về chính sách hỗ trợ học nghề thuộc danh mục nghề khuyến khích đào tạo và hỗ trợ kinh phí, học phí học văn hóa cho học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở học tiếp lên trình độ trung cấp, cao đẳng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021-2025)*

b) Tỉnh Vĩnh Phúc

Tỉnh Vĩnh Phúc hỗ trợ cho học sinh, sinh viên (trong và ngoài tỉnh) tốt nghiệp trung học phổ thông học trình độ trung cấp, cao đẳng, cao đẳng chương trình đào tạo chất lượng cao tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2022-2025.

Hỗ trợ học phí cho học sinh, sinh viên học trình độ trung cấp, cao đẳng đại trà các ngành, nghề theo danh mục ngành, nghề (gồm 14 ngành, nghề nhóm ngành, nghề công nghiệp), làm việc tối thiểu 12 tháng liên tục tại 01 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thì được hỗ trợ học phí một lần theo Nghị quyết này.

Hỗ trợ học phí cho sinh viên học trình độ cao đẳng chương trình chất lượng cao các ngành, nghề (gồm 17 ngành, nghề các nhóm ngành, nghề: công nghiệp; nông nghiệp; sức khỏe), làm việc tối thiểu 12 tháng liên tục tại 01 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh theo ngành nghề được đào tạo thì được hỗ trợ học phí một lần theo Nghị quyết này.

Học sinh, sinh viên đang hưởng chính sách miễn, giảm học phí theo quy định của Chính phủ thì không được hưởng hỗ trợ học phí theo Nghị quyết này.

\* Mức hỗ trợ

Học sinh tốt nghiệp trình độ trung cấp đại trà được hỗ trợ 300.000 đồng/người/tháng.

Sinh viên tốt nghiệp trình độ cao đẳng đại trà được hỗ trợ 500.000 đồng/người/tháng.

Sinh viên tốt nghiệp trình độ cao đẳng chương trình chất lượng cao được hỗ trợ 800.000 đồng/người/tháng.

\* Thời gian hỗ trợ:Theo thời gian thực học, tối đa không quá 20 tháng/khóa học đối với trình độ trung cấp; tối đa không quá 30 tháng/khóa học đối với trình độ cao đẳng.

*(Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về chính sách hỗ trợ hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2022-2025)*

c) Tỉnh Bắc Ninh

Căn cứ Nghị định số [81/2021/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thue-phi-le-phi/nghi-dinh-81-2021-nd-cp-quan-ly-hoc-phi-doi-voi-co-so-giao-duc-thuoc-he-thong-giao-duc-quoc-dan-457392.aspx) ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; tỉnh Bắc Ninh hỗ trợ cho học sinh, người lao động hiện đang sinh sống tại tỉnh Bắc Ninh, đã tốt nghiệp trung học phổ thông tại các trường trong tỉnh tham gia học nghề trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Hỗ trợ học sinh, sinh viên học trình độ cao đẳng, trung cấp đối với 29 ngành, nghề có nhu cầu lao động lớn thuộc 04 nhóm ngành, nghề: Kỹ thuật và Công nghệ thông tin; Sản xuất, Chế biến và Xây dựng; Sức khỏe; Dịch vụ, Du lịch và Môi trường.

Người học đủ điều kiện được hỗ trợ học phí học nghề chỉ được hưởng hỗ trợ một lần theo quy định này; người học đã được hỗ trợ học phí học nghề theo các chính sách khác của Nhà nước ở cùng cấp trình độ đào tạo thì không được hỗ trợ.

Trường hợp mức thu học phí của cơ sở giáo dục nghề nghiệp thấp hơn mức hỗ trợ theo quy định này thì mức hỗ trợ học phí cho người học bằng mức thu học phí thực tế của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Người học đăng ký học cùng một thời điểm ở hai cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc hai chương trình đào tạo chỉ được hỗ trợ học phí học nghề ở một cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc một chương trình đào tạo.

\* Mức hỗ trợ

*Đơn vị tính: Nghìn đồng/người/tháng*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nhóm ngành, nghề đào tạo** | **Năm học** |
| **2021-2022** | **2022-2023** | **2023-2024** | **2024-2025** | **2025-2026** |
| 1 | Kỹ thuật và Công nghệ thông tin | 570 | 1.120 | 1.190 | 1.220 | 1.440 |
| 2 | Sản xuất, Chế biến và Xây dựng | 570 | 1.070 | 1.140 | 1.170 | 1.380 |
| 3 | Sức khỏe | 1.200 | 1.310 | 1.390 | 1.420 | 1.680 |
| 4 | Dịch vụ, Du lịch và Môi trường | 570 | 930 | 990 | 1.020 | 1.200 |

\* Thời gian hỗ trợ học nghề là thời gian thực học của chương trình đào tạo toàn khoá, nhưng không quá 30 tháng đối với đào tạo trình độ cao đẳng và không quá 20 tháng đối với đào tạo trình độ trung cấp; thời gian hỗ trợ học phí đào tạo các nghề đặc thù tối đa không quá 30 tháng.

*(Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh quy định hỗ trợ học phí cho học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông học nghề tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh, từ năm học 2021-2022 đến năm học 2025-2026)*

Qua nghiên cứu, trao đổi với một số tỉnh, thành phố về chính sách đặc thù hỗ trợ hoạt động GDNN cho thấy, hiện nay các địa phương trực thuộc Trung ương như Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Cần Thơ, Đà Nẵng chưa có chính sách đặc thù hỗ trợ hoạt động GDNN; một số địa phương theo quy định được ngân sách Trung ương hỗ trợ hoạt động như tỉnh Vĩnh Phúc, tỉnh Quảng Ninh, tỉnh Bắc Ninh đã ban hành chính sách đặc thù nhưng mới chỉ hỗ trợ học phí hoặc hỗ trợ chi phí học tập đối với người học; chưa có chính sách đặc thù hỗ trợ viên chức GDNN và hỗ trợ cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo cho các cơ sở GDNN trên địa bàn các tỉnh.

**1.3.2. Thực trạng thực hiện chính sách về hỗ trợ hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố**

**a) Chính sách đối với người học**

- Về công tác phân luồng vào học GDNN

Triển khai thực hiện Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025”, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo, hướng dẫn các trường THCS, trường THPT, Trung tâm Giáo dục thường xuyên (GDTX) thành phố, các trung tâm GDNN-GDTX quận, huyện phối hợp với các cơ sở GDNN, cơ sở hoạt động GDNN trên địa bàn thành phố tăng cường tuyên truyền, tư vấn, tuyển sinh GDNN đến các học sinh thuộc quyền quản lý nhằm thực hiện có hiệu quả công tác phân luồng học sinh sau THCS và THPT vào học các trình độ GDNN. Căn cứ vào thực tiễn và học lực của học sinh, các cơ sở giáo dục tập trung định hướng, hướng nghiệp cho học sinh lựa chọn học lên THPT, học GDNN hoặc đi làm. Đối với các trường THPT, học sinh được cung cấp thông tin về đặc điểm ngành, nghề, bí quyết chọn nghề, những sai lầm khi chọn nghề, những nghề thị trường đang có nhu cầu… Giai đoạn 2020-2022, thành phố Hải Phòng có 91.765 học sinh tốt nghiệp THCS, 62.431 học sinh tốt nghiệp THPT; trong đó, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học tập tại các cơ sở GDNN đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp hoặc cơ sở GDNN-GDTX khoảng 9,8%; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT tiếp tục học tập tại các cơ sở GDNN đào tạo trình độ cao đẳng chiếm khoảng 18%.

- Về chính sách miễn, giảm học phí, cấp học bổng

+ Về chính sách miễn, giảm học phí: Hiện nay, đối với chính sách hỗ trợ người học nghề, Thành phố đang áp dụng bảo đảm các chính sách của Trung ương. Giai đoạn 2016 đến nay, các cơ sở GDNN trên địa bàn thành phố tiếp tục triển khai có hiệu quả quy định, chính sách hỗ trợ học sinh đã tốt nghiệp THCS học tiếp lên trình độ trung cấp được miễn học phí 100% theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ, Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ theo hình thức liên kết giữa các trường cao đẳng, trường trung cấp và trung tâm GDNN-GDTX các quận/huyện để tổ chức vừa dạy văn hóa theo chương trình GDTX cấp THPT vừa đào tạo trình độ trung cấp cho học sinh hoàn thành chương trình THCS/có bằng tốt nghiệp THCS (theo nhu cầu của người học). Theo đó, sau 03 năm học, khi tốt nghiệp, học sinh sẽ được nhận bằng tốt nghiệp THPT và bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp đối với nghề được đào tạo. Giai đoạn 2016 đến nay, các cơ sở GDNN trên địa bàn thành phố tiếp tục triển khai có hiệu quả quy định, chính sách giảm 70% học phí, giảm 50% học phí tùy theo từng loại đối tượng cụ thể quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ, Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ. Chính sách miễn, giảm học phí nêu trên được chi trả trực tiếp cho người học thông qua phương thức cấp bù miễn, giảm học phí.

Năm 2020, 2021, 2022, ngân sách thành phố đã bố trí trên 5.000 triệu đồng/năm để cấp bù kinh phí miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập.

+ Về hỗ trợ học bổng: Các cơ sở GDNN trên địa bàn thành phố áp dụng thực hiện cấp chính sách học bổng gồm học bổng khuyến khích học tập và học bổng chính sách theo quy định tại Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục; trong đó, quy định chính sách cấp học bổng khuyến khích học tập cho người học trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp có kết quả học tập, rèn luyện từ loại khá trở lên, không bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên trong kỳ xét cấp học bổng; có 03 mức học bổng khuyến khích học tập: học bổng loại khá, học bổng loại giỏi, học bổng loại xuất sắc; quy định cấp học bổng khuyến khích được bố trí tối thiểu 8% nguồn thu học phí đối với trường công lập và tối thiểu 2% nguồn thu học phí đối với trường tư thục; và quy định cấp học bổng chính sách cho một số đối tượng ưu tiên nhằm khuyến khuyến khích học sinh, sinh viên trong các cơ sở GDNN phấn đấu, rèn luyện nâng cao kết quả cao trong học tập. Đồng thời, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng ưu tiên, đối tượng thuộc nhóm yếu thế… có cơ hội được học tập tại các cơ sở GDNN, gồm các đối tượng là người học theo chế độ cử tuyển và người học tại cơ sở GDNN dành cho thương binh, người khuyết tật; quy định cấp học bổng đối với người học theo chế độ cử tuyển tại cơ sở GDNN dành cho thương binh, người khuyết tật với mức học bổng bằng 80% mức lương cơ sở/tháng; đối với học viên là thương binh thuộc hộ nghèo học trong các cơ sở GDNN dành cho thương binh, người khuyết tật với mức học bổng bằng 100% mức lương cơ sở/tháng.

Theo quy định tại Nghị định số 84/2020/NĐ-CP nêu trên, chính sách học bổng được chi trả trực tiếp cho người học.

+ Về chính sách tín dụng HSSV được thực hiện bảo đảm quy định của Chính phủ; các chính sách nêu trên đã tạo động lực, khuyến khích học nghề.

- Về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn: Giai đoạn 2016 đến nay, Thành phố Hải Phòng bố trí 33.000 triệu đồng để hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn thành phố Hải Phòng.

- Về chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng: Thành phố Hải Phòng hiện có Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn thành phố; theo đó người lao động trên địa bàn thành phố tham gia học nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng tại các cơ sở GDNN trên địa bàn thành phố tùy từng nghề đào tạo và đối tượng, được hỗ trợ chi phí đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng.

**b) Chính sách đối với cơ sở GDNN**

Giai đoạn 2016 đến năm 2020, các cơ sở GDNN công lập trên địa bàn thành phố tiếp tục được bố trí nguồn vốn ngân sách Trung ương và Thành phố, cụ thể: từ Dự án “Đổi mới và nâng cao chất lượng GDNN”, các Dự án, chương trình chuyển giao công nghệ lĩnh vực GDNN và từ nguồn tự chủ của đơn vị để tập trung tăng cường các điều kiện phục vụ đào tạo nghề nghiệp; các trường cao đẳng, trung cấp tư thục chủ động bố trí kinh phí tự đầu tư tập trung cho các nghề trọng điểm. Cụ thể:

- Về Dự án “Đổi mới và Nâng cao chất lượng GDNN”: Giai đoạn 2016 đến năm 2020, tổng số kinh phí do Trung ương bố trí là 184.160 triệu đồng, trong đó: 151.160 triệu đồng cho 21 lượt nghề trọng điểm của các cơ sở GDNN thuộc Bộ, ngành Trung ương hoạt động trên địa bàn thành phố (gồm: 08 lượt nghề trọng điểm quốc tế, 06 lượt nghề trọng điểm khu vực ASEAN và 07 lượt nghề trọng điểm quốc gia) và 33.000 triệu đồng cho 09 lượt nghề trọng điểm của 04 cơ sở GDNN thuộc thành phố Hải Phòng (gồm: 01 nghề trọng điểm cấp độ khu vực ASEAN và 08 nghề trọng điểm cấp độ quốc gia).

- Giai đoạn 2016 đến năm 2021, ngân sách thành phố bố trí 14.913 triệu đồng để cải tạo cơ sở vật chất cho các cơ sở GDNN công lập trực thuộc; năm 2021, kinh phí do Thành phố bố trí xây dựng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Hải Phòng (Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng) là 375.685.246.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm tỷ sáu trăm tám mươi lăm triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) theo Nghị quyết 31/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố quyết định về chủ trương đầu tư Dự án Đầu tư xây dựng Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng (giai đoạn 1), bảo đảm đạt tiêu chí về cơ sở vật chất của trường cao đẳng chất lượng cao theo Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 11/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ với mục tiêu đào tạo lao động kỹ thuật có kỹ năng nghề cao, chất lượng cao ở các lĩnh vực nghề trọng điểm, quy mô tuyển sinh trung bình khoảng 2.000 học sinh, sinh viên, học viên/năm.

Hầu hết cơ sở vật chất, phòng học lý thuyết, xưởng thực hành, thiết bị đào tạo đều được đầu tư theo nghề trọng điểm theo Dự án “Đổi mới và phát triển dạy nghề” giai đoạn 2011-2015 và Dự án “Đổi mới và nâng cao chất lượng GDNN” giai đoạn 2016-2020 từ nguồn ngân sách Trung ương; theo đánh giá của các trường hiện nay số lượng thiết bị đã được đầu tư cho một số nghề trọng điểm mới chỉ đạt khoảng 60-70% thiết bị theo yêu cầu; ngoài ra một số trường trung cấp như Trường Trung cấp Thủy sản (nay được sáp nhập vào Trường Cao đẳng Lao động – Xã hội Hải Phòng và đổi tên thành Trường Cao đẳng Kinh tế Hải Phòng theo Quyết định số 1295/QĐ-LĐTBXH ngày 21/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội), Trường Trung cấp Xây dựng (nay được sáp nhập cùng Trường Cao đẳng Cộng đồng Hải Phòng vào Trường Cao đẳng Công nghiệp Hải Phòng và đổi tên thành Trường Cao đẳng Kỹ thuật Hải Phòng theo Quyết định số 1297/QĐ-LĐTBXH ngày 21/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội) và 10 trung tâm GDNN được đầu tư theo chính sách Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” tại Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ từ nguồn ngân sách trung ương từ những năm đầu thực hiện Đề án (năm 2010-2013) đến nay đã lạc hậu, không đáp ứng được yêu cầu chương trình đào tạo hiện nay.

Qua đó cho thấy, những năm qua, ngoài Dự án xây mới Trường Cao đẳng Kỹ thuật Hải Phòng, ngân sách Thành phố hàng năm chỉ bố trí sửa chữa nhỏ cho các cơ sở GDNN công lập thuộc Thành phố quản lý[[1]](#footnote-1), chưa bố trí kinh phí để mua sắm bổ sung thiết bị đào tạo, dẫn đến điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo của các cơ sở GDNN công lập thuộc thành phố quản lý xuống cấp, ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo. Đối với các cơ sở GDNN thuộc các Bộ, ngành Trung ương hoạt động trên địa bàn thành phố và các cơ sở GDNN tư thục đều được Thành phố hỗ trợ bố trí bảo đảm diện tích đất theo quy định; cơ quan chủ quản (các Bộ, ngành Trung ương chủ quản) hoặc chủ đầu tư, chủ sở hữu đối với cơ sở tư thục đã bố trí nguồn đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, song cũng chỉ tập trung cho ngành, nghề trọng điểm được phê duyệt tại Quyết định số 1769/QĐ-LĐTBXH ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phê duyệt ngành, nghề trọng điểm; trường được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025.

\* Về xã hội hóa GDNN và các nguồn lực khác: Tổng kinh phí tự đầu tư của các cơ sở GDNN tư thục trong giai đoạn 2016 đến nay, ước khoảng hơn 70 tỷ đồng cho 05 nghề trọng điểm cấp độ quốc tế, 03 nghề đạt cấp độ khu vực ASEAN và 03 nghề đạt cấp độ quốc gia. Ngoài ra, các cơ sở GDNN đều chủ động huy động hàng chục tỷ đồng từ nhiều nguồn vốn khác để đầu tư tăng cường các điều kiện phục vụ đào tạo cho các nghề khác; mở rộng nghề đào tạo và xây dựng thương hiệu, uy tín cho cơ sở mình.

**c) Chính sách đối với nhà giáo và cán bộ quản lý GDNN**

Giai đoạn 2016 đến nay, nhà giáo GDNN được hưởng các chính sách chung đối với nhà giáo trong hệ thống giáo dục quốc dân; ngoài ra, cũng có một số chế độ, chính sách riêng đối với nhà giáo GDNN (như: chế độ làm việc, chính sách về phụ cấp cho nhà giáo khi dạy thực hành các nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và phụ cấp đặc thù cho nhà giáo đào tạo nghề cho người khuyết tật) cũng đã được ban hành và triển khai tổ chức thực hiện. Tuy nhiên, những chính sách này còn có những bất cập, chưa khuyến khích, thu hút những người có năng lực vào tham gia đào tạo nghề nghiệp, chưa tạo ra sự gắn bó, tâm huyết với nghề nghiệp. Cụ thể là:

*- Về chế độ tiền lương:* Hoạt động của nhà giáo GDNN mang tính đặc thù, một mặt, họ phải là một nhà sư phạm, mặt khác là một cán bộ kỹ thuật, một công nhân lành nghề; trong khi đó, chính sách tiền lương chưa thể hiện sự ưu đãi mang tính đặc thù đó. Nếu so sánh giảng viên GDNN với những người cùng trình độ được đào tạo làm việc trong lĩnh vực sản xuất hoặc trong các lĩnh vực khác thì mức lương thu nhập của người giảng viên GDNN thấp hơn rất nhiều. Đó là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng không thu hút được những người có trình độ, có tay nghề giỏi, có thực tế sản xuất chuyển tham gia đội ngũ nhà giáo GDNN ở các cơ sở GDNN. Ngược lại, nhiều nhà giáo GDNN có trình độ tay nghề cao muốn chuyển sang làm việc tại các doanh nghiệp.

*- Về chính sách đào tạo, bồi dưỡng*: Do tính chất nghề nghiệp, nhà giáo GDNN luôn có yêu cầu được bồi dưỡng cập nhật kiến thức khoa học và công nghệ, thực tế sản xuất cũng như tiếp cận với các phương pháp giảng dạy tiên tiến. Nhưng trong thực tế, những chính sách, chế độ đối với việc bồi dưỡng nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức khoa học và công nghệ... cho nhà giáo GDNN chưa được thể chế hoá. Việc bồi dưỡng, nâng cao trình độ của nhà giáo GDNN hiện nay phụ thuộc chủ yếu vào sự cố gắng, quyết tâm trên cơ sở tự lực vươn lên của bản thân giáo viên và sự quan tâm của lãnh đạo từng cơ sở GDNN.

Thành phố chưa có chính sách riêng thu hút cán bộ kỹ thuật, nghệ nhân cấp tỉnh trở lên tham gia đội ngũ nhà giáo cơ hữu tại các cơ sở GDNN của Thành phố; cũng chưa có chính sách đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề hàng năm (không thường xuyên) cho nhà giáo GDNN. Giai đoạn 2016 đến nay, Thành phố đã bố trí kinh phí chi thường xuyên tổ chức lớp bồi dưỡng, song số lượng nhà giáo được tham gia còn chiếm tỷ lệ nhỏ, chưa đáp ứng được nhu cầu. Thành phố chưa có những chính sách khuyến khích động viên đối với nhà giáo GDNN tự phấn đấu nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, nâng bậc kỹ năng thực hành nghề... Chưa có cơ chế, chính sách để doanh nghiệp và cơ sở GDNN tạo điều kiện cho nhà giáo GDNN được đi thực tế tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hàng năm.

**d) Chính sách đối với mô hình liên kết GDNN với doanh nghiệp**

Mô hình liên kết GDNN với doanh nghiệp đã bước đầu được hình thành thông qua nhiều hình thức như: Doanh nghiệp tham gia xây dựng chương trình đào tạo chuẩn đầu ra của các cơ sở GDNN; tiếp nhận học sinh, sinh viên (HSSV) vào thực tập tại doanh nghiệp; hỗ trợ cơ sở GDNN về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, xưởng thực hành; phối hợp đưa HSSV của cơ sở GDNN thăm quan dây chuyền sản xuất tại nhà máy của doanh nghiệp để cập nhật các tiến bộ khoa học kỹ thuật; tài trợ học bổng cho HSSV có hoàn cảnh khó khăn để khuyến khích, động viên; trả lương cho HSSV tham gia học lý thuyết tại cơ sở GDNN, thực hành, thực tập tại doanh nghiệp; tham gia sát hạch tay nghề HSSV, đánh giá kỹ năng nghề của nhà giáo GDNN. Một số cơ sở GDNN có uy tín, được doanh nghiệp, khu công nghiệp, cụm công nghiệp phối hợp, đặt hàng đào tạo cung cấp lao động; 05 trường cao đẳng, trường trung cấp trên địa bàn thành phố được Tổ chức Cứu trợ Trẻ em quốc tế SCI hỗ trợ thành lập Góc việc làm, xây dựng mô hình liên kết GDNN với doanh nghiệp.

Tuy nhiên việc gắn kết giữa doanh nghiệp và cơ sở GDNN trên địa bàn thành phố chưa thực sự chặt chẽ, tỷ lệ doanh nghiệp tham gia là chủ thể của hoạt động GDNN còn thấp, chủ yếu tham gia vào các hoạt động GDNN như xây dựng chương trình, tiếp nhận người học đến thực tập, tham gia đào tạo, tuyển dụng; đồng thời chưa làm rõ được lợi ích và trách nhiệm của các bên liên quan. Số lượng trường có mô hình được Tổ chức Cứu trợ Trẻ em quốc tế SCI hỗ trợ quá ít (05/39 cơ sở GDNN), thành phố chưa có chính sách đặc thù hỗ trợ nhân rộng mô hình liên kết.

**3. Một số vấn đề bất cập**

Mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thành phố Hải Phòng hiện nay tương đối đa dạng về loại hình, trình độ đào tạo, ngành nghề đào tạo và quy mô hoạt động. Công tác tuyển sinh, đào tạo sơ cấp, trung cấp, cao đẳng được thực hiện linh hoạt với nhiều hình thức, phong phú, đa dạng. Mỗi năm cung ứng cho thị trường lao động trên 52.000 lao động qua đào tạo, cơ bản bước đầu được các doanh nghiệp đánh giá tương đối tốt, sinh viên trình độ cao đẳng tốt nghiệp ra trường 100% được tuyển dụng vào làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài thành phố; sinh viên trình độ trung cấp tỷ lệ giải quyết việc làm sau tốt nghiệp đạt khoảng 85%, một số tiếp tục học lên trình độ cao đẳng. Tuy nhiên, hiện thành phố mới chỉ áp dụng thực hiện chính sách chung miễn 100% học phí cho học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tiếp tục học lên trình độ trung cấp theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP; chưa có cơ chế, chính sách riêng của Thành phố hỗ trợ cho đối tượng là người lao động học trình độ trung cấp; chưa có chính sách hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh tốt nghiệp THCS, THPT tiếp tục học trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố, dẫn đến chưa thu hút được số lượng lớn học sinh, cha mẹ học sinh quan tâm lựa chọn học giáo dục nghề nghiệp.

Thành phố chưa có chính sách riêng thu hút cán bộ kỹ thuật, nghệ nhân cấp tỉnh trở lên tham gia đgiảng dạy tại các cơ sở GDNN của Thành phố; cũng chưa có chính sách hỗ trợ chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo, chưa có chính sách hỗ trợ mô hình đào tạo nghề gắn với doanh nghiệp.

**II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THI HÀNH CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT**

**1. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật**

Thực hiện chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Khóa XI, nhằm khắc phục một số bất cập hiện nay, thu hút người học nhiều hơn đến với học giáo dục nghề nghiệp, hàng năm, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội các quận, huyện, cán bộ quản lý và nhà giáo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố về những chính sách mới trong Luật Giáo dục nghề nghiệp để tạo sự “phân luồng tự động”, tạo sự hấp dẫn cho người học: chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP; chính sách trong tuyển sinh ưu tiên tuyển thẳng vào đào tạo ở trình độ trung cấp, cao đẳng; chính sách đào tạo được lựa chọn nội dung học tập trong chương trình, được học theo năng lực của bản thân; chính sách học bổng…

**2. Tình hình tuân thủ pháp luật**

- Việc thi hành các quy định pháp luật về thực hiện chính sách của nhà nước miễn học phí cho học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên trình độ trung cấp trên địa bàn thành phố được thực hiện đúng thẩm quyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Đến nay, công tác tổ chức, thực hiện pháp luật về các chính sách miễn học phí cho học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở học tiếp lên trình độ trung cấp trên địa bàn thành phố được triển khai đúng, kịp thời, đảm bảo quy định, chưa phát hiện vụ việc vi phạm trên địa bàn, không nhận được vụ việc khiếu nại, tố cáo trong khi thực hiện quy định pháp luật về chính sách miễn học phí cho học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở học tiếp lên trình độ trung cấp trên địa bàn thành phố.

**III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ**

**1. Thuận lợi**

- Năm 2022, tổng sản phẩm trên địa bàn thành phố (GRDP) tăng 12,32% so với cùng kỳ năm trước, đứng thứ 8 cả nước, thứ 2 vùng Đồng bằng sông Hồng; GRDP 06 tháng đầu năm 2023 ước tăng 9,94% so với cùng kỳ năm trước; cơ cấu kinh tế được chuyển dịch đúng hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thu ngân sách cao tạo điều kiện để thực hiện tốt chính sách hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập; thực hiện cân đối giữa đào tạo và giải quyết việc làm nhằm đảm bảo cơ cấu lao động của thành phố.

- Đào tạo nhân lực có tay nghề cao được Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố đặc biệt quan tâm chỉ đạo, tổ chức thực hiện với nhiều giải pháp. Thành phố tập trung triển khai Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 11/01/2016 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 06/06/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XI) về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đào tạo nhân lực có tay nghề cao”.

- Chuẩn hóa bằng cấp, chứng chỉ cho người lao động nhằm đạt mục tiêu đến năm 2025 tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt từ 87% đến 88%; trong đó tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt 40% được xác định tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XVI, nhiệm kỳ nhiệm kỳ 2020 – 2025.

**2. Khó khăn**

Hiện nay việc thực hiện chính sách khuyến khích để huy động tối đa sự tham gia của doanh nghiệp trong việc phát triển đào tạo nghề nghiệp, nhất là đào tạo lao động có tay nghề cao còn hạn chế do vậy kinh phí hỗ trợ cho người học, người lao động chủ yếu dựa vào ngân sách. Nguồn lực huy động hỗ trợ đào tạo từ cộng đồng, các doanh nghiệp chưa thường xuyên và không chủ động.

**IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Đề nghị Hội đồng nhân dân thành phố quan tâm xem xét, quyết nghị thông qua Nghị quyết về đào tạo nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành phố đến năm 2030.

Trên đây là Báo cáo đánh giá thực trạng các vấn đề liên quan đến chính sách hỗ trợ đào tạo nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trân trọng báo cáo./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- UBND TP (để b/c);- Sở Tư pháp;- Giám đốc Sở;- PGĐ Phạm Thị Huyền;- Lưu: VT, GDNN. | **GIÁM ĐỐC****Đỗ Văn Bình** |

1. Giai đoạn 2020-2023 chỉ có năm 2021, thành phố bố trí 4.150 triệu đồng chi mua sắm, sửa chữa cho 07 cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thành phố quản lý (Quyết định số 3889/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2021 cho các cấp, các ngành, các đơn vị) [↑](#footnote-ref-1)